

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
VIỆN KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN
BỘ MÔN: Kế toán

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Kế toán

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1**
 - + Tiếng Việt: Kế toán tài chính 1
 - + Tiếng Anh: Financial Accounting 1
- Mã học phần: DKT.01.18
- Đối tượng học: Sinh viên ngành Kế toán
- Số tín chỉ: 03
- Vị trí của học phần trong CTĐT^[2]

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp					
		Kiến thức cơ sở ngành		Kiến thức ngành		□ Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	
<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc	<input type="checkbox"/> Tự chọn		

- Học phần tiên quyết^[3]: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước^[4]:
- Học phần song hành^[5]:
- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động^[6]: [Tổng số tín chỉ/tổng số tiết]
 - + Nghe giảng lý thuyết, bài tập: 39 giờ
 - + Thực hành, thảo luận, hoạt động nhóm: 6 giờ
 - + Kiểm tra: 3 giờ
- Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm)^[7]: 102 giờ
- Viện, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Viện Kế toán – Kiểm toán
- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):
 - 1) Họ và tên: ThS.Trần Thị Thu Hà
Chức danh: Giảng viên
Thông tin liên hệ: ĐT: 0985.293.088;
Email: hatranthu2901@gmail.com
 - 2) Họ và tên: ThS.Nguyễn Thị Thảo
Chức danh: Giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0964.434.455

Email: nguyenthithao.dhtcnh@gmail.com

2. Mô tả học phần

Kế toán tài chính 1 là học phần thuộc phần kiến thức chuyên ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về công tác kế toán trong các đơn vị kinh tế, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán như kế toán vốn bằng tiền và vật tư, kế toán tài sản cố định, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; cũng như việc phản ánh các chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Môn học giúp người học hiểu và vận dụng nghiệp vụ các phần hành kế toán tại các doanh nghiệp. Từ đó, người học có thể phối hợp hoạt động thực hành kế toán các phần hành trên vào thực tiễn doanh nghiệp.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần ^[9]	Mô tả mục tiêu học phần ^[10] Học phần nhằm cung cấp cho người học:
CSO 1.1	Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phần hành kế toán như kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu, kế toán TSCĐ và kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương. Từ đó sinh viên được thực hành các nghiệp vụ cả về lý luận và thực tiễn tại doanh nghiệp đối với các nghiệp vụ kế toán mà kế toán tài chính 1 cung cấp.
CSO 2.1	Về kỹ năng: + Hình thành và phát triển kỹ năng thực hành định khoản, phân tích nghiệp vụ, các tình huống kế toán các phần hành liên quan đến các kế toán vốn bằng tiền, kế toán nguyên vật liệu, kế toán công cụ dụng cụ, kế toán TSCĐ và kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương. + Kỹ năng ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh và lập được các báo cáo chi tiết các phần hành kế toán trong doanh nghiệp.
CSO 3.1	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Giúp sinh viên nhận thức rõ và hình thành thái độ học tập, rèn luyện để mở rộng kiến thức và kỹ năng để từ đó tự nghiên cứu và tự đưa ra kết luận chuyên môn thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
CSO 1.1	CLO 1.1	Trình bày được công tác tổ chức kế toán tài chính trong doanh nghiệp, cũng như trình bày các khái niệm, phân loại, chứng từ, tài khoản sử dụng, định	PLO 1.3 PLO 1.4	3

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
		khoản và trình tự ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp của các phần hành Vốn bằng tiền và vật tư, kế toán nguyên vật liệu, kế toán TSCĐ, kế toán lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.		
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
CSO 2.1	CLO 2.1	Vận dụng được một cách thuần thục các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã học vào các tình huống thực tiễn theo các các phần hành Vốn bằng tiền và vật tư, kế toán nguyên vật liệu, kế toán TSCĐ, kế toán lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.	PLO 2.1 PLO 2.2 PLO 2.4	3
	CLO 2.2	Phân tích được báo cáo chi tiết các phần hành Vốn bằng tiền và vật tư, kế toán nguyên vật liệu, kế toán TSCĐ, kế toán lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp	PLO 2.1 PLO 2.2 PLO 2.4	3
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
CSO 3.1	CLO 3.1	Đánh giá được, liên kết được kiến thức qua các chương, liên kết các phần học để trở thành 1 khối kiến thức thống nhất phục vụ mục đích chung ban đầu.	PLO 3.1 PLO 3.2 PLO 3.3	2
	CLO 3.2	Xác lập thông tin trên cơ sở những kiến thức đã được tích lũy trong môn học cho phù hợp với thực tế của doanh nghiệp .	PLO 3.1 PLO 3.2 PLO 3.3	2

Mức độ đóng góp:

1: Introduce (Giới thiệu)

2: Reinforce (Củng cố)

3: Master (Thành thạo)

5. Học liệu^[15]

5.1. Tài liệu chính:

PGS.TS. Trương Thị Thủy PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng (2019): *Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp* NXB Tài chính 2019

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Các văn bản pháp quy về kế toán: Luật kế toán 2003, Chuẩn mực kế toán.

2. Các tài liệu tham khảo liên quan đến kế toán: Giáo trình Kế toán tài chính của các trường đại học khối kinh tế

5.3 Trang Web:

1. Web kế toán (<http://www.webketoan.vn/>)
2. Dân kế toán (<http://danketoan.com/>)

6. Các phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

X	Phương pháp nghiên cứu trường hợp/tình huống (<i>Case study</i>)	X	Phương pháp phát vấn (socratic method)	X	Thuyết giảng (Lecturing method)	X	Giảng dạy thông qua tham quan thực tế (Teaching through field-trips)
X	Phương pháp đóng vai/nhập vai (<i>Role playing</i>)	X	Phương pháp thuyết trình tích cực (active lecturing)	X	Tổ chức học tập theo nhóm (Group-based learning)		
X	Dạy học theo dự án (<i>Project-based learning</i>)	X	Phương pháp giải quyết vấn đề (Problem solving)	X	Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy (Teaching with research papers)		

7. Nội dung chi tiết học phần:

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
Bài 1	<p>CHƯƠNG 1: TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP</p> <p>1.1. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tài chính trong doanh nghiệp</p> <p>1.1.1. Vai trò kế toán tài chính trong công tác quản lý kinh tế</p>	3					CLO1.1	PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình PP phát vấn	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học mục 1.1 và 1.2 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	<p>1.1.2. Nội dung và yêu cầu của kế toán tài chính</p> <p>1.1.3. Nhiệm vụ kế toán tài chính doanh nghiệp</p> <p>1.2. Những khái niệm, nguyên tắc kế toán tài chính</p> <p>1.3. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp</p> <p>1.3.1. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán</p> <p>1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán</p> <p>1.3.3. Tổ chức lựa chọn, vận dụng hình thức kế toán phù hợp</p> <p>1.3.4. . Tổ chức vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán</p> <p>1.3.5. Tổ chức công tác kiểm tra kế toán</p> <p>1.3.6. Tổ chức lập và phân tích BCTC</p>								
Bài 2	CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ VẬT TƯ	3					CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	PP nghiên cứu tình huống	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	2.1. Kế toán vốn bằng tiền 2.1.1. Nhiệm vụ kế toán 2.1.2. Kế toán vốn bằng tiền 2.1.2.1. Kế toán tiền mặt							PP Thuyết trình PP phát vấn	mục 2.1.1 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép và trả lời các câu hỏi của GV
Bài 3	CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ VẬT TƯ (Tiếp) 2.1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng 2.1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển	3					CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình PP phát vấn	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học mục 2.1.2.3 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV
Bài 4	CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ VẬT TƯ (Tiếp) 2.2. Kế toán vật tư 2.2.1. Nhiệm vụ kế toán 2.2.2. Phân loại vật tư 2.2.3. Nguyên tắc và các cách đánh giá vật tư 2.2.3.1. Phân biệt kế toán HTK theo phương pháp	2	1				CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình PP phát vấn	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học mục 2.2.1 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	KKTX và phương pháp KKĐK								
Bài 5	<p>CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN VÀ VẬT TƯ (Tiếp)</p> <p>2.2.3.2. Nguyên tắc đánh giá vật tư</p> <p>2.2.3.3. Các cách đánh giá vật tư</p> <p>2.2.3.4. Phương pháp tính giá vật tư xuất kho</p> <p>2.2.4. Hạch toán chi tiết vật tư</p> <p>2.2.4.1. Phương pháp mở thẻ song song</p> <p>2.2.4.2. Phương pháp sổ dư</p> <p>2.2.4.3. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển</p> <p>2.2.5. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp KKTX</p> <p>2.2.6. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp KKĐK</p>	2	1				<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>PP thuyết trình</p> <p>PP phát vấn</p>	<p>+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học mục 2.2.4 (6 giờ)</p> <p>Ở lớp:</p> <p>Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV và làm bài tập</p>	
Bài 6	CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN VỐN		2	1			<p>CLO1.1</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO2.2</p> <p>CLO3.1</p> <p>PP phát vấn</p>	<p>SV tự học có hướng dẫn nội dung bài</p>	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	BẢNG TIỀN VÀ VẬT TƯ (Tiếp) 2.2.7. Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến kiểm kê và đánh giá lại vật tư 2.2.8. Kế toán dự phòng giảm giá vật tư tồn kho Kiểm tra định kỳ							PP Thuyết giảng học 2.2.7 và 2.2.8 (6 giờ); Ở lớp: Trả lời câu hỏi GV, làm bài tập, làm bài kiểm tra	
Bài 7	CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TSCĐ 3.1. Nhiệm vụ kế toán 3.1.1. Tài sản cố định 3.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định 3.2. Phân loại, đánh giá TSCĐ 3.2.1. Phân loại Tài sản cố định 3.2.2. Đánh giá Tài sản cố định	3					CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình PP phát vấn	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học 3.1.2 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV	
Bài 8	CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TSCĐ (Tiếp) 3.3. Kế toán chi tiết TSCĐ 3.3.1. Xác định đối tượng ghi Tài sản cố định	2	1				CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 PP Thuyết giảng PP phát vấn PP giải quyết	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học mục 3.3 (6 giờ) Ở lớp: Nghe giảng, ghi	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	3.3.2. Nội dung kế toán chi tiết Tài sản cố định 3.4. Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ								chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập
Bài 9	CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TSCĐ (Tiếp) 3.5. Kế toán tổng hợp giảm TSCĐ	2	1				CLO1.2 CLO1.1 CLO1.2 CLO2.1 PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình PP phát vấn	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học (6 giờ) + Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập	
Bài 10	3.6. Kế toán khấu hao TSCĐ 3.6.1. Hao mòn và khấu hao Tài sản cố định 3.6.2. Tính khấu hao Tài sản cố định 3.6.3. Kế toán khấu hao và hao mòn Tài sản cố định	2	1				CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 PP thuyết giảng PP phát vấn	SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học (6 giờ) + Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập	
Bài 11	CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TSCĐ (Tiếp) 3.7. Kế toán sửa chữa TSCĐ 3.7.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên Tài sản cố định	1	2				CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học (6 giờ) Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	3.7.2. Kế toán sửa chữa lớn Tài sản cố định								GV, làm bài tập
Bài 12	CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN TSCĐ (Tiếp) 3.8. Kế toán các nghiệp vụ khác về TSCĐ 3.8.1. Kế toán thuê Tài sản cố định 3.8.2. Kế toán nghiệp vụ kiểm kê, đánh giá lại Tài sản cố định					3	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	PP Tổ chức học tập theo nhóm PP dạy học theo dự án	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học 3.8 (9 giờ) + Làm BTL theo nhóm về thực hành chứng từ, sổ sách + Báo cáo/ thuyết trình BTL trên lớp
Bài 13	Thực hành, thảo luận					3	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	PP Tổ chức học tập theo nhóm Hướng dẫn, Nhận xét đánh giá	Các nhóm hoàn thiện báo cáo BTL (9 giờ) SV thuyết trình
Bài 14	CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG 4.1. Nhiệm vụ kế toán 4.1.1. Ý nghĩa việc quản lý lao động,	3					CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	PP nghiên cứu tình huống PP Thuyết trình	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học 4.1 (6 giờ) Nghe giảng, ghi chép, trả

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
	<p>tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>4.1.2. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>4.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>.2.1. Chứng từ hạch toán lao động, tính lương và trợ cấp BHXH</p> <p>4.2.2. Tài khoản kế toán sử dụng</p>							lời câu hỏi GV	
Bài 15	<p>CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG (Tiếp)</p> <p>4.2. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương (tiếp)</p> <p>4.2.3. Tổng hợp, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương</p> <p>4.2.4. Trình tự kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương và các khoản trích theo lương</p>	2	1				<p>CLO1.2</p> <p>CLO1.2</p> <p>CLO2.1</p> <p>CLO3.1</p> <p>PP nghiên cứu tình huống</p> <p>PP Thuyết trình</p> <p>PP giải quyết vấn đề</p>	<p>+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học (6 giờ)</p> <p>+ Nghe giảng, ghi chép, trả lời câu hỏi GV, làm bài tập</p>	

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (LT, BT)					CDR học phần	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		Lý thuyết	Bài tập	Kiểm tra	Thực hành	Thảo luận			
Bài 16	Kiểm tra định kỳ dạng tổng hợp kiến thức các chương đã học		1	2			CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	PP giải quyết vấn đề	+ SV tự học có hướng dẫn nội dung bài học (6 giờ) SV làm bài
Tổng cộng		28	11	3	6				102 giờ tự học có hướng dẫn

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;

- Bài tập, thảo luận:

+ Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;

- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Điểm chuyên cần	10	Đánh giá quá trình	Rubric	CLO 3.1	
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút giữa kỳ	30	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%
01 bài kiểm tra tự luận 50 phút cuối kỳ		Tự luận	Rubric	CLO1.2, CLO2.1	40% 60%

01 đánh giá tổng hợp kết quả làm Bài tập lớn		SV báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhóm theo sự phân công của Trưởng nhóm.	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO3.1,	10% 10% 30% 30% 10% 5% 5%
Bài thi hết học phần: Tự luận hoặc Vấn đáp theo BTL					
1) Tự luận 90 phút	60	Tự luận	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2	20% 30% 20% 30%
2) Vấn đáp theo BTL	60	Vấn đáp	Rubric	CLO1.1, CLO1.2, CLO2.1, CLO2.2	20% 30% 20% 30%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Các Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm %
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Còn vài lỗi chính tả. 	Mức A	85, - 10
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Mắc 1 lỗi về định khoản kế toán, hoặc phản ánh sơ đồ TK còn 1,2 lỗi, hoặc lập bảng còn sai sót nhỏ - Có khá nhiều lỗi chính tả. 	Mức B	7,0 – 8,4
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Mắc 2 lỗi về định khoản kế toán, hoặc phản ánh sơ đồ TK còn 2,3 lỗi, hoặc lập bảng còn sai sót - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức C (Đạt)	5,5 – 6,9
<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. - Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý. - Mắc nhiều lỗi - Nhiều lỗi chính tả. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 – 5,4
<ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.2 Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn – Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học – Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. – Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 – 10
<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn – Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học – Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. – Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV. 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn – Cấu trúc Báo cáo chưa thật phù hợp – Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng. – Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV. 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn – Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao. – Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV. 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> – Các trường hợp còn lại 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

9.3.3 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt trên 90% số tiết học – Tham gia tích cực thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 – 10
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 90-95% số tiết học – Có tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập tốt 	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 85-90% số tiết học – Ít tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập chưa cao 	Mức C (Đạt)	5,5 - 6,9
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp đạt từ 80-85% số tiết học – Không tham gia thảo luận trên lớp – Ý thức, thái độ học tập không nghiêm túc 	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	4,0 - 5,4
<ul style="list-style-type: none"> – Tham gia học tập trên lớp dưới 80% số tiết học 	Mức F (Không đạt)	Dưới 4,0

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2022

Viện trưởng



TS. Hoàng Văn Tường

Trưởng Bộ môn



TS. Trần Văn Dung

Người soạn đề cương



ThS. Trần Thị Thu Hà

